|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mẫu số 06**  **Tên tổ chức, cá nhân:**  **Địa chỉ:**  **Mã số thuế:** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LINH KIỆN Ô TÔ NHẬP KHẨU ĐỂ SẢN XUẤT, LẮP RÁP XE**  **XUẤT XƯỞNG TRONG KỲ XÉT ƯU ĐÃI**  *Kỳ báo cáo: Từ ngày …… đến ngày ……* | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | **Tên linh kiện** | | **Mã số (HS)** | **Đơn vị tính** | **Lượng linh kiện nhập khẩu tồn kho đầu kỳ** | **Lượng linh kiện nhập khẩu nhập trong kỳ** | **Lượng linh kiện nhập khẩu**  **xuất kho trong kỳ** | | | | | **Lượng linh kiện nhập khẩu tồn kho cuối kỳ** | **Ghi chú** | |
| **Mã** | **Tên** | **Sản xuất sản phẩm** | | | **Xuất kho khác** | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | | | (9) | | (10)=(6)+(7)-(8)-(9) | (11) | |
|  |  | |  |  |  |  |  | | |  | |  |  | |
|  |  | |  |  |  |  |  | | |  | |  |  | |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  |  | | |
| **(10) NGƯỜI LẬP** | | | | | |  | **(11) NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  **CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** | | | | | | |  | | | |
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | | | | | |  | *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* | | | | | | |  | | | |

Cột (2): “Mã” là mã linh kiện do doanh nghiệp tự mã hóa để theo dõi, quản lý.

Cột (6): Là lượng linh kiện cuối kỳ trước được chuyển sang kỳ báo cáo hiện tại.

Cột (7): Là lượng linh kiện nhập khẩu trong kỳ báo cáo.

Cột (8): Là lượng linh kiện thực tế đưa vào để sản xuất sản phẩm.

Cột (9): Là lượng linh kiện xuất kho, không đưa vào sản xuất sản phẩm.

Cột (10): Là lượng linh kiện thực tế tồn tại kho cuối kỳ báo cáo.